

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 12-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2019/HSST ngày 29 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Hoàng Đình Th, sinh ngày 16-12-1979 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Đình Đ và bà Phạm Thị L; Chưa có vợ, con; Tiền án: 02, Bản án số 24/2014/HSST ngày 09-12-2014, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, Bản án số 07/2017/HSST ngày 16-5-2017, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Tiền sự: Không; Nhân thân: 02 tiền án đã được xóa án tích, Bản án số 25/2010/HSST ngày 18-6-2010, Tòa án nhân dân quận Dương Kinh xử phạt 24 tháng tù về tội Cướp giật tài sản và Bản án số 28/2013/HSST ngày 13-6-2013, Tòa án nhân dân quận Dương Kinh xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; các năm 2000, 2003, 2007 đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (đã được xóa); bị tạm giữ từ ngày 15-9-2019 đến ngày 17-9-2019 chuyển tạm giam; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ N, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Công L; vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Duy N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 31-5-2019, Hoàng Đình Th điều khiển xe mô tô BKS 16L3-2471 đi từ nhà ở tổ B, phường H đến khu vực tổ D (cùng phường) với mục đích xem có ai sơ hở sẽ trộm cắp tài sản để bán lấy tiền ăn tiêu. Tại đường bê tông từ khu vực tổ D sang tổ Q, Th phát hiện thấy có một chiếc xe đạp điện màu nâu, nhãn hiệu Honda của bà Nguyễn Thị D đang dựng ở ven đường, không có người trông coi. Th dừng lại quan sát, không thấy ai để ý liền bê chiếc xe đạp điện của bà D để lên phía sau yên xe mô tô rồi điều khiển xe đến cửa hàng Th của ông Trần Văn T và bán cho ông T được 400.000 đồng. Số tiền bán xe, Th đã chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, Th bỏ trốn, đến ngày 15-9-2019 bị bắt theo quyết định truy nã.

Bản Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 14-6-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đồ Sơn kết luận: Xe đạp điện màu nâu, nhãn hiệu Honda đã qua sử dụng có giá trị 400.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 28-10-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Đình Th về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố; bị cáo thừa nhận đã lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị đúng như Kết luận của Hội đồng định giá tài sản, vật chứng của vụ án bị Cơ quan Điều tra thu giữ đúng như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Bị hại là bà D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T và những người làm chứng vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; bà D đã nhận lại tài sản và ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe đạp điện đã qua sử dụng có giá trị 400.000 đồng, bị cáo đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đối với bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm

tội gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô biển kiểm soát BKS 16L3 -2471, nhãn hiệu Havico, có số máy bị tẩy xóa đã qua sử dụng của Th là phương tiện bị cáo dùng vào việc trộm cắp tài sản; 400.000 đồng là tiền bị cáo phạm tội mà có.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và luận tội. Bị cáo biết hành vi phạm tội của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nên đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối hận. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo Hoàng Đình Th tại phiên tòa phù hợp các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án, được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Hồi 16 giờ 00 phút, ngày 31-5-2019, tại tổ dân phố D, phường M, quận Đ, Th đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị D

có giá trị theo Kết luận của Hội đồng định giá là 400.000 đồng. Bị cáo có hai tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn trộm cắp tài sản.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích bán lấy tiền ăn tiêu.

[4] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn và tiếp tục cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] *Về nhân thân:* Bị cáo có hai tiền án chưa được xóa án tích, hai tiền án đã được xóa án tích và các năm 2000, 2003, 2007 được đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Thể hiện bị cáo có nhân thân rất xấu, không có ý thức sửa chữa sai lầm, coi thường pháp luật. Bị cáo sau khi phạm tội đã bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[10] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại là bà D đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- *Về xử lý vật chứng:*

[12] 01 xe đạp điện màu nâu đã quan sử dụng được Cơ quan Điều tra trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị D là có căn cứ;

[13] 01 xe mô tô biển kiểm sát 16L3-2471, nhãn hiệu Havico, màu xanh đã qua sử dụng, số máy bị tẩy xóa của Th là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp tài sản cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[14] Buộc bị cáo Th phải nộp lại 400.000 đồng là số tiền bị cáo bán tài sản trộm cắp được và đã ăn tiêu hết để nộp ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về vấn đề khác:

[15] Trong vụ án này, ông Trần Văn T là người đã mua chiếc xe đạp điện do bị cáo trộm cắp với giá 400.000 đồng nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật.

[16] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[17] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hoàng Đình Th 15 (*Mười lăm*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 15-9-2019.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (*Một*) xe mô tô BKS 16L3 - 2471, nhãn hiệu Havico, màu xanh đã qua sử dụng, số máy bị tẩy xóa của Th; 400.000 (*Bốn trăm nghìn*) đồng là tiền bị cáo Th phạm tội mà có;

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Th phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06, PC10);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng